BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: /TBTKB -TĐHHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO

THỜI KHÓA BIỂU CÁC LỚP HỌC LẠI, HỌC CẢI THIỆN ĐIỂM ĐỢT 2 (DỰ KIẾN)
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024

(Áp dụng cho sinh viên đại học chính quy từ khóa 6 đến khóa 12 học lại, học cải thiện điểm)

1. Quy định về thời gian giảng dạy:

**Sáng:*
- Tiết 1: 07h00 - 07h50
- Tiết 2: 07h55 - 08h45
- Tiết 3: 08h50 - 09h40
- Tiết 4: 09h50 - 10h40
- Tiết 5: 10h45 - 11h35

**Chiều:*
- Tiết 6: 12h30 - 13h20
- Tiết 7: 13h25 - 14h15
- Tiết 8: 14h20 - 15h10
- Tiết 9: 15h20 - 16h10
- Tiết 10: 16h15 - 17h05

**Tối :*
- Tiết 11: 17h15 - 18h05
- Tiết 12: 18h10 - 19h00
- Tiết 13: 19h05 - 19h55
- Tiết 14: 20h00 - 20h50

2. Quy định về chữ viết tắt:

- TH: Thực hành - Phòng học A.501: Học tại nhà A - tầng 5 phòng 501
- LT: Lý thuyết - 1,2,3: Tiết 1,2,3
- TT: Thực tập - TC; Tín chỉ
- TH: Thực hành - Phòng học A.501: Học tại nhà A - tầng 5 phòng 501
- ĐA: Đồ án - 1,2,3: Tiết 1,2,3
- TT: Thực tập

3. Các ngày nghỉ lễ

- Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương; Ngày chiến thắng 30/4 và Quốc tế lao động 01/05: Sinh viên được nghỉ từ ngày 30/04/2024 đến hết ngày 01/05/2024, từ ngày 02/05/2024 sinh viên trở lại học tập tại Trường

4. Thời khóa biểu:

STT	Tên lớp học phần	Số TC	Thời gian	Lịch học trong tuần														Ghi chú
				Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học	
1	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin-HKP_2	2	13/05 - 19/05/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		
		2	20/05 - 26/05/24	2,3,4,5		2,3												
2	Biến đổi khí hậu tác động đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
3	Biến đổi khí hậu ở Việt Nam-HKP_2	2	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
4	Biến đổi khí hậu-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
5	Bản đồ học-6-2-23(N01)	2	22/04 - 28/04/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
6	Chủ nghĩa Xã hội khoa học-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
7	Công nghệ Java-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		
		3	20/05 - 26/05/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5						
8	Công nghệ XML và JSON-HKP_2	2	27/05 - 02/06/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		
		2	03/06 - 09/06/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8										
9	Công nghệ chế biến thực phẩm-HKP_2	3	06/05 - 12/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
		3	13/05 - 19/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
10	Công nghệ môi trường-HKP_2	4	06/05 - 19/05/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		
		2	13/05 - 19/05/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		
11	Công nghệ sản xuất và kiểm soát chất lượng trứng, thịt, thủy sản-HKP_2	2	29/04 - 05/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14						
		2	06/05 - 12/05/24	1,2,3,4		1,2,3,4		1,2,3,4		1,2,3,4		1,2,3,4						

STT	Tên lớp học phần	Số TC	Thời gian	Lịch học trong tuần														Ghi chú
				Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học	
12	Công nghệ.Net-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
		3	03/06 - 09/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5				
13	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng-6-2-23(N01)	2	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
14	Cơ sở dữ liệu đất đai-6-2-23(N01)	3	29/04 - 05/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
		3	06/05 - 12/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
15	Cơ sở lý thuyết trong kinh tế tài nguyên và môi trường-HKP_2	3	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
		3	03/06 - 09/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13								
16	Cơ sở quản lý tài nguyên và môi trường-HKP_2	3	06/05 - 12/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
		3	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13								
17	Cơ sở địa lý tài nguyên và môi trường-HKP_2	2	22/04 - 28/04/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
18	Du lịch bền vững-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
		3	03/06 - 09/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
19	Du lịch sinh thái-6-2-23(N01)	3	03/06 - 09/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
		3	10/06 - 16/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
20	Du lịch văn hóa Việt Nam-HKP_2	2	03/06 - 09/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
21	Giao đất-6-2-23(N01)	2	03/06 - 09/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
22	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục-6-2-23(N01)	1	20/05 - 09/06/24											2,3,4,5;7,8,9,10				
		1	10/06 - 16/06/24											2,3,4;7,8,9				
23	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1-6-2-23(N01)	1	06/05 - 26/05/24							2,3,4,5				2,3,4,5				
		1	27/05 - 02/06/24							2,3,4				2,3,4				
24	Giáo dục thể chất 3 - Điền kinh 2-6-2-23(N01)	1	06/05 - 26/05/24							7,8,9,10				7,8,9,10				
		1	27/05 - 02/06/24							7,8,9				7,8,9				
25	Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai-6-2-23(N01)	2	03/06 - 09/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
26	Hóa học đại cương-6-2-23(N01)	2	06/05 - 12/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
27	Hạch toán quản lý môi trường-HKP_2	3	06/05 - 12/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
		3	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13								
28	Hệ quản trị Linux-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
		3	03/06 - 09/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		2,3,4,5;7,8				
29	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường-HKP_2	3	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
		3	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13								
30	Hệ thống thông tin bất động sản-6-2-23(N01)	2	10/06 - 16/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
31	Hệ thống thông tin kế toán-6-2-23(N01)	3	06/05 - 12/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
		3	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13								
32	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh-6-2-23(N01)	2	29/04 - 05/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
33	Khí tượng synop 2-6-2-23(N01)	3	06/05 - 12/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
		3	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13								
54	Khởi sự kinh doanh-6-2-23(N01)	2	13/05 - 19/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
34	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				

STT	Tên lớp học phần	Số TC	Thời gian	Lịch học trong tuần														Ghi chú
				Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học	
34	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
35	Kinh doanh Logistics-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
		3	03/06 - 09/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
36	Kinh tế chính trị Mác - Lênin-HKP_2	2	20/05 - 26/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
37	Kinh tế tài nguyên và môi trường- HKP _2	2	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
38	Kinh tế tài nguyên đất-6-2-23(N01)	2	06/05 - 12/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
39	Kinh tế vi mô-HKP_2	3	06/05 - 12/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
		3	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13								
40	Kinh tế vĩ mô-HKP_2	3	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
		3	27/05 - 02/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
41	Kiểm toán tài chính-HKP_2	3	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
42	Kế toán chi phí-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
43	Kế toán ngân hàng-6-2-23(N01)	2	06/05 - 12/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
44	Kế toán quản trị 1-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
45	Kế toán quản trị 1-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9								
46	Kế toán quản trị 2-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
47	Kế toán quản trị 2-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13								
48	Kế toán quốc tế-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
49	Kế toán tài chính-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
50	Kỹ năng hành nghề luật-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
51	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
		3	03/06 - 09/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
52	Kỹ năng quản trị-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
53	Kỹ năng trong Quản lý tài nguyên và môi trường-HKP_2	2	06/05 - 12/05/24															
54	Kỹ năng xử lý và giải quyết tình huống pháp lý-6-2-23(N01)	2	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
55	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng-HKP_2	2	20/05 - 26/05/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
		2	27/05 - 02/06/24	2,3,4,5		2,3,4,5												
56	Linux và phần mềm nguồn mở-HKP_2	2	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
		2	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14												
57	Logistics trong thương mại điện tử-HKP_2	3	29/04 - 05/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
		3	06/05 - 12/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
58	Luật Kinh doanh bất động sản-6-2-23(N01)	3	03/06 - 09/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
		3	10/06 - 16/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13								
59	Luật Thương mại HKP_2	2	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
	Luật Tài chính ngân hàng-6-2-23(N01)	2	06/05 - 12/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
60	Luật Xây dựng và nhà ở-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
	Lý thuyết thông tin-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
61	Lập trình hướng đối tượng-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		
	Lập trình hướng đối tượng-6-2-23(N01)	3	03/06 - 09/06/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4				

STT	Tên lớp học phần	Số TC	Thời gian	Lịch học trong tuần														Ghi chú
				Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học	
62	Lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản-6-2-23(N01)	3	29/04 - 05/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
	Lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản-6-2-23(N01)	3	06/05 - 12/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
63	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai-6-2-23(N01)	2	10/06 - 16/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam-HKP_2	2	27/05 - 02/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
64	Marketing căn bản-HKP_2	2	22/04 - 28/04/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
65	Marketing du lịch-HKP_2	3	27/05 - 02/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
		3	03/06 - 09/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
66	Mô hình hóa môi trường-HKP_2	3	13/05 - 19/05/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		
		3	20/05 - 26/05/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9								
67	Mô hình toán trong tài nguyên nước mặt-HKP_2	2	06/05 - 12/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
68	Môi giới bất động sản-HKP_2	2	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
69	Môi trường và phát triển-HKP_2	2	06/05 - 12/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
70	Mạng máy tính-HKP_2	3	13/05 - 19/05/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		
71		3	20/05 - 26/05/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9								
72	Nguyên lý thống kê kinh tế-6-2-23(N01)	2	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
73	Nhập môn cơ sở dữ liệu-HKP_2	2	20/05 - 26/05/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		
74	Phong thủy trong quy hoạch đất đai-6-2-23(N01)	2	06/05 - 12/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
75	Pháp luật đại cương-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
76	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước-6-2-23(N01)	2	06/05 - 12/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
77	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
78		3	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		2,3,4,5				
79		3	27/05 - 02/06/24															
80	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường-HKP_2	2	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
81		2	03/06 - 09/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12										
82	Phát triển hệ thống thông tin địa lý-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		
83		2	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14												
84	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ-HKP_2	3	27/05 - 02/06/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		
85		3	03/06 - 09/06/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9				
86	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động-6-2-23(N01)	2	27/05 - 02/06/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		
87		2	03/06 - 09/06/24	2,3,4,5		2,3,4,5												
88	Phát triển ứng dụng mạng-HKP_2	3	20/05 - 26/05/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		
89		3	27/05 - 02/06/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		1,2,3,4,5				
90	Phát triển ứng dụng trên nền Web-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
91	Phát triển ứng dụng trên nền Web-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5				
92	Phân tích báo cáo tài chính-6-2-23(N01)	2	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
93	Phân tích kinh doanh-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
94	Phân tích kinh doanh-6-2-23(N01)	3	03/06 - 09/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
95	Phân tích vi sinh thực phẩm-HKP_2	3	06/05 - 12/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1;2,3,4,5				
96	Phân tích vi sinh thực phẩm-HKP_2	3	13/05 - 19/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										

STT	Tên lớp học phần	Số TC	Thời gian	Lịch học trong tuần														Ghi chú
				Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học	
97	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh-6-2-23(N01)	2	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
98	Quan trắc và phân tích môi trường không khí. đất-HKP_2	4	20/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
99	Quy hoạch môi trường-HKP_2	3	13/05 - 19/05/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		
100	Quy hoạch môi trường-HKP_2	3	20/05 - 26/05/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4								
101	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
102	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
103	Quy hoạch sử dụng đất-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
104	Quy hoạch sử dụng đất-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
105	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội-6-2-23(N01)	2	06/05 - 12/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
106	Quy hoạch đô thị-6-2-23(N01)	2	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
107	Quản lý dự án phần mềm-HKP_2	2	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
108	Quản lý nhà nước về du lịch-6-2-23(N01)	2	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
109	Quản lý nhà nước về đất đai-6-2-23(N01)	2	27/05 - 02/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
110	Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
111	Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng-6-2-23(N01)	3	03/06 - 09/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
112	Quản lý tài nguyên môi trường-HKP_2	2	22/04 - 28/04/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
113	Quản trị Marketing-HKP_2	2	29/04 - 05/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
114	Quản trị chuỗi cung ứng-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
115	Quản trị chuỗi cung ứng-6-2-23(N01)	3	03/06 - 09/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13								
116	Quản trị chất lượng du lịch-6-2-23(N01)	2	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
117	Quản trị chất lượng-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
118	Quản trị chất lượng-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13								
119	Quản trị công nghệ-6-2-23(N01)	2	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
120	Quản trị doanh nghiệp du lịch-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
121	Quản trị doanh nghiệp du lịch-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
122	Quản trị học-6-2-23(N02)	2	22/04 - 28/04/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
123	Quản trị kinh doanh khách sạn-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
124	Quản trị kinh doanh khách sạn-6-2-23(N01)	3	03/06 - 09/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
125	Quản trị lễ tân-6-2-23(N01)	2	22/04 - 28/04/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
126	Quản trị mua hàng toàn cầu-HKP_2	3	29/04 - 05/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
127	Quản trị mua hàng toàn cầu-HKP_2	3	06/05 - 12/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1;2,3,4,5										
128	Quản trị nguồn nhân lực-6-2-23(N01)	3	06/05 - 12/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
129	Quản trị nguồn nhân lực-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
130	Quản trị rủi ro-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
131	Quản trị sự kiện-6-2-23(N01)	3	06/05 - 12/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
132	Quản trị sự kiện-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
133	Quản trị sự thay đổi-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
134	Quản trị sự thay đổi-6-2-23(N01)	3	03/06 - 09/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
135	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				

STT	Tên lớp học phần	Số TC	Thời gian	Lịch học trong tuần														Ghi chú
				Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học	
136	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
137	Quản trị văn phòng-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
138	Quản trị văn phòng-6-2-23(N01)	3	03/06 - 09/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
139	Quản trị điểm đến du lịch-HKP_2	2	20/05 - 26/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
140	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm-HKP_2	2	06/05 - 12/05/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		
141	Sử dụng đất và kinh tế đất-6-2-23(N01)	2	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
142	Thuế và kế toán thuế-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
143	Thị trường bất động sản-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
144	Thị trường bất động sản-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
145	Thống kê bất động sản-6-2-23(N01)	2	03/06 - 09/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
146	Thực tập Trắc địa cơ sở-6-2-23(N01)	2	20/05 - 09/06/24	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10						
147	Thực tập Vi sinh vật kỹ thuật môi trường-HKP_2	1	06/05 - 19/05/24	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10						
148	Thực tập phân tích vi sinh thực phẩm-HKP_2	2	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10						
149	Thực tập phân tích vi sinh thực phẩm-HKP_2	2	27/05 - 02/06/24	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10						
150	Thực tập tin học ứng dụng trong quản lý đất đai-6-2-23(N01)	2	20/05 - 09/06/24	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10						
151	Tin học cơ sở-6-2-23(N01)	2	13/05 - 19/05/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		
152	Tin học cơ sở-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8										
153	Tin học đại cương-6-2-23(N01)	2	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8		
154	Tin học đại cương-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13										
155	Tin học ứng dụng trong môi trường-HKP_2	3	06/05 - 12/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
156	Tin học ứng dụng trong môi trường-HKP_2	3	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13								
157	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1 (*)-6-2-23(N01)	3	13/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
158	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2 (*)-6-2-23(N01)	3	13/05 - 26/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
159	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường-HKP_2	2	20/05 - 26/05/24					2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		
160	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường-HKP_2	2	27/05 - 02/06/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3										
161	Tiếng Anh 3-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
162	Tiếng Anh chuyên ngành (M)_HKP2	3	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
163	Tiếng Anh chuyên ngành (M)_HKP2	3	03/06 - 09/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13								
164	Tiếng Anh chuyên ngành (QM)_HKP2	3	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
165	Tiếng Anh chuyên ngành (QM)_HKP2	3	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13								
166	Tiếng Anh chuyên ngành (QTDL) -HKP_2	3	27/05 - 02/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1;2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
167	Tiếng Anh chuyên ngành (QTDL) -HKP_2	3	03/06 - 09/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
168	Tiếng anh 1-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
169	Tiếng anh 1-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
170	Tiếng anh 2-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
171	Tiếng anh 2-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10										
172	Tiếng anh chuyên ngành (KE) -HKP_2	3	13/05 - 19/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				

STT	Tên lớp học phần	Số TC	Thời gian	Lịch học trong tuần														Ghi chú
				Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học	
173	Tiếng anh chuyên ngành (KE) -HKP_2	3	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
174	Toán cao cấp 1-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
		3	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4		1,2,3,4		1,2,3,4		1,2,3								
175	Toán cao cấp 2-6-2-23(N01)	2	13/05 - 19/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
		3	13/05 - 19/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
176	Toán cao cấp-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
177	Triết học Mác - Lênin-HKP_2	3	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
178	Truyền thông về tài nguyên và môi trường-6-2-23(N01)	3	27/05 - 02/06/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		
		3	03/06 - 09/06/24	2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4,5		2,3,4								
179	Trí tuệ nhân tạo-6-2-23(N01)	2	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
180	Trí tuệ nhân tạo-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24															
181	Trắc địa cơ sở-6-2-23(N01)	3	06/05 - 12/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
182	Trắc địa cơ sở-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
183	Tài chính tiền tệ-6-2-23(N01)	2	27/05 - 02/06/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
184	Tài chính đất đai-6-2-23(N01)	2	27/05 - 02/06/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
185	Tài nguyên khoáng sản Việt Nam-HKP_2	2	06/05 - 12/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
186	Tâm lý học đại cương-HKP_2	2	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
187	Tăng trưởng xanh-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		
188	Tư tưởng Hồ Chí Minh-HKP_2	2	27/05 - 02/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
189	Tổng quan du lịch-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
190	Tổng quan du lịch-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
191	Xác suất thống kê-6-2-23(N01)	2	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
192	Xã hội học đại cương-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10		6,7,8,9,10				
193	Xử lý tín hiệu số-6-2-23(N01)	2	13/05 - 19/05/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10		7,8,9,10						
194	Xử lý tín hiệu số-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	7,8,9,10		7,8,9,10		7,8										
195	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường-HKP_2	2	13/05 - 19/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10				
196	Đánh giá tác động môi trường-HKP_2	2	22/04 - 28/04/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
197	Đạo đức nghề du lịch-6-2-23(N01)	2	20/05 - 26/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
198	Đạo đức nghề nghiệp-6-2-23(N01)	2	06/05 - 12/05/24	2,3,4,5				2,3,4,5				2,3		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
199	Định giá bất động sản-6-2-23(N01)	3	13/05 - 19/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
200	Định giá bất động sản-6-2-23(N01)	3	20/05 - 26/05/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5										
201	Định giá đất-6-2-23(N01)	2	10/06 - 16/06/24	1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5		1,2,3,4,5				
202	Đồ án quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại-6-2-23(N01)	1	10/06 - 23/06/24	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10						
203	Đồ án xử lý nước thải-6-2-23(N01)	1	27/05 - 09/06/24	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		1,2,3,4,5;6,7,8,9,10						
204	Ứng dụng thống kê trong kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm-HKP_2	2	06/05 - 12/05/24	11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14				1,2,3,4,5;6,7,8,9,10		
205	Ứng dụng tin học trong công nghệ thực phẩm-HKP_2	2	27/05 - 02/06/24															